

Số: 271/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 03 tháng 7 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về miễn phí sách giáo khoa giáo dục phổ thông và miễn học phí, giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh tại cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp

VĂN PHÒNG UBND TP HẢI PHÒNG

Số: 1409
Ngày: 03/07/2026Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

ĐƠN VỊ	CHỦ TRÌ	THAM GIA
CT Đ.T.Trung		X
PCT TT L.A.Quân		X
PCT V.T.Phụng	X	
PCT L.T.Kiên		X
PCT N.M.Hùng		X
PCT T.V.Quân		X
PCT H.M.Cường		X
Q.CVP N.H.Long		X
PCVP T.V.Thiện		
PCVP N.T.Hùng	X	
PCVP P.A.Tuấn		
PCVP P.H.Hoàng		
PCVP T.N.Hưng		
P. NV&KT,GS		
P. NC		
P. NN&MT		
P. TC		
P. TH		
P. VX	X	X
P. XD&CT		
Ban TCDTP		
P. HC-QT		
TTPVHCCTP		
TTHN&NKTP		
Cổng TTĐTTP		

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 128/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 248/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để thực hiện đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về miễn phí sách giáo khoa giáo dục phổ thông và miễn học phí, giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh tại cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về miễn phí sách giáo khoa đối với học sinh phổ thông, người học tại các cơ sở giáo dục thực hiện các chương trình giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, bao gồm: Chương trình giáo dục phổ thông, Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, cấp trung học phổ thông và Chương trình xóa mù chữ (sau đây gọi chung là Chương trình giáo dục).

2. Nghị định này quy định miễn học phí và giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh đối với người học tại các cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi chung là cơ sở đào tạo).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Học sinh phổ thông và người học tại các cơ sở giáo dục bao gồm công lập và tư thục (sau đây gọi chung là học sinh) thực hiện Chương trình giáo dục.

2. Học sinh, sinh viên đang học tại các cơ sở đào tạo bao gồm công lập và tư thục thực hiện đào tạo môn Giáo dục quốc phòng và an ninh trong chương trình đào tạo (sau đây gọi chung là sinh viên).

3. Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, Ủy ban nhân dân các cấp, cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo, trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện Nghị định này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Miễn học phí môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh”: Là việc người học không phải đóng học phí đối với môn học này theo định mức kinh tế - kỹ thuật quy định.

2. "Hao mòn tự nhiên": Là tình trạng sách giáo khoa, giáo trình bị giảm chất lượng, hư hỏng hoặc rách nát về mặt vật lý do tác động của thời gian, điều kiện bảo quản và quá trình sử dụng bình thường trong hoạt động giảng dạy, học tập. Tình trạng này khiến tài liệu không còn bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật hoặc không thể tiếp tục sử dụng để phục vụ mục tiêu giáo dục mà không do lỗi cố ý hoặc vô ý từ phía người quản lý, học sinh, sinh viên.

3. “Bộ sách giáo khoa”: Là tập hợp sách giáo khoa của các môn học, hoạt động giáo dục được sử dụng cho một lớp học hoặc cấp học theo danh mục đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách

1. Kinh phí thực hiện chính sách miễn phí sách giáo khoa; miễn học phí, giáo trình môn Giáo dục quốc phòng và an ninh quy định tại Nghị định này được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Ngân sách trung ương hỗ trợ ngân sách địa phương thực hiện chính sách quy định tại Nghị định này theo nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương thực hiện các chính sách an sinh xã hội được cấp có thẩm quyền ban hành áp dụng cho từng thời kỳ.

3. Khuyến khích và tiếp nhận các nguồn tài trợ, viện trợ và kinh phí xã hội hóa (bằng tiền hoặc hiện vật) từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để hỗ trợ thực hiện chính sách miễn phí sách giáo khoa; miễn học phí, giáo trình môn Giáo dục quốc phòng và an ninh theo quy định tại Nghị định này theo quy định của pháp luật.

Chương II

MIỄN PHÍ SÁCH GIÁO KHOA GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Điều 5. Nguyên tắc thực hiện

1. Việc miễn phí sách giáo khoa cho học sinh được thực hiện bảo đảm đúng mục tiêu, đúng đối tượng, công bằng và thống nhất trên phạm vi toàn quốc.

2. Chính sách miễn phí sách giáo khoa phải bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả trong sử dụng; áp dụng hình thức mượn - trả để tái sử dụng sách giáo khoa nhiều lần, ưu tiên tận dụng tối đa số lượng sách giáo khoa hiện có và điều chuyển thông qua cơ chế liên thông thư viện giữa các cơ sở giáo dục trên cùng địa bàn trước khi quyết định mua sắm mới nhằm giảm áp lực lên ngân sách nhà nước và bảo vệ môi trường, hạn chế lãng phí và nâng cao hiệu quả quản lý tài sản công.

3. Việc mua sắm, quản lý và sử dụng sách giáo khoa phải tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu, giá và quản lý tài sản công, quy định về thư viện các cơ sở giáo dục và các quy định pháp luật có liên quan.

4. Sách giáo khoa được mua sắm bằng ngân sách nhà nước được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công trong cơ sở giáo dục công lập. Đối với cơ sở giáo dục tư thục, sách giáo khoa được ngân sách nhà nước hỗ trợ mua sắm không hạch toán vào tài sản của cơ sở giáo dục; cơ sở giáo dục có trách nhiệm tiếp nhận, quản lý, sử dụng, bảo quản đúng mục đích, hiệu quả, tránh thất thoát, lãng phí và thực hiện xử lý theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền khi không còn nhu cầu sử dụng.

5. Toàn bộ quá trình lập dự toán, mua sắm, phân bổ, quản lý và luân chuyển sách giáo khoa phải được thực hiện công khai; tăng cường trách nhiệm giải trình của cơ quan quản lý nhà nước, cơ sở giáo dục và sự giám sát của cộng đồng.

6. Trường hợp học sinh thuộc đối tượng được hưởng nhiều chính sách hỗ trợ của Nhà nước có nội dung trùng lặp thì chỉ được hưởng một chính sách có mức hỗ trợ cao nhất hoặc có thời gian hỗ trợ dài nhất.

Điều 6. Danh mục và số lượng sách giáo khoa được miễn phí sử dụng

1. Sách giáo khoa được miễn phí sử dụng trong Nghị định này thuộc danh mục sách giáo khoa được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định sử dụng thống nhất toàn quốc và sách giáo khoa chuyển đổi hoặc học liệu thay thế phù hợp với năng lực nhận thức của học sinh khuyết tật.

2. Vào đầu mỗi năm học hoặc học kỳ, mỗi học sinh được mượn 01 bộ sách giáo khoa đầy đủ các môn học/hoạt động giáo dục (sau đây gọi chung là môn học) tương ứng với chương trình học tập tại lớp. Học sinh có nghĩa vụ hoàn trả bộ sách cho thư viện nhà trường quản lý sau khi kết thúc năm học hoặc học kỳ đó.

3. Đối với học sinh chuyển trường

a) Học sinh chuyển trường có trách nhiệm hoàn trả đầy đủ sách giáo khoa đã mượn cho cơ sở giáo dục nơi chuyển đi trước thời điểm hoàn tất thủ tục chuyển trường.

b) Cơ sở giáo dục nơi tiếp nhận học sinh chuyển đến có trách nhiệm bố trí, cho học sinh mượn bổ sung sách giáo khoa kể từ ngày tiếp nhận học sinh vào học, bảo đảm không làm gián đoạn việc học tập của học sinh.

Điều 7. Quy định về quản lý, cung cấp, điều chuyển và thu hồi sách giáo khoa

1. Quy trình quản lý sách giáo khoa tại thư viện phải tuân thủ đúng quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2. Trước ngày 15 tháng 6 hằng năm, các cơ sở giáo dục phải hoàn thành việc tiếp nhận, nhập kho và kiểm kê số lượng sách giáo khoa bảo đảm đủ định mức theo nhu cầu sử dụng của năm học mới; cơ sở giáo dục cập nhật dữ liệu vào hệ thống quản lý thư viện, thực hiện dán nhãn, mã hóa và phân loại sách theo quy định để sẵn sàng cho học sinh mượn.

3. Điều chuyển sách giáo khoa

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ dữ liệu từ các cơ sở giáo dục để chỉ đạo việc điều chuyển sách giáo khoa giữa các thư viện cùng cấp trên địa bàn nhằm tối ưu hóa hiệu quả sử dụng; ưu tiên điều chuyển đối với sách giáo khoa còn đủ chất lượng sử dụng, bảo đảm nội dung đầy đủ, không rách nát, hư hỏng ảnh hưởng đến việc học tập của học sinh.

b) Việc điều chuyển sách giáo khoa phải bảo đảm nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với nhu cầu sử dụng thực tế; không thực hiện điều chuyển trong trường hợp chi phí vận chuyển, bảo quản, bàn giao và các chi phí liên quan lớn hơn hoặc không hiệu quả hơn so với phương án mua sắm bổ sung.

4. Học sinh mượn sách giáo khoa tại thư viện nhà trường vào đầu năm học hoặc đầu học kỳ; chậm nhất 15 ngày trước ngày khai giảng năm học mới hoặc đầu học kỳ; việc bàn giao sách giáo khoa phải được ghi chép vào sổ theo dõi mượn - trả hoặc phần mềm quản lý, có xác nhận về số lượng và tình trạng vật lý của sách, ghi rõ tình trạng sách mới hoặc đã sử dụng tại thời điểm bàn giao.

5. Thu hồi và xử lý sau năm học

a) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc năm học hoặc khi học sinh chuyển trường, thôi học, học sinh có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số lượng sách giáo khoa đã mượn cho cơ sở giáo dục, trừ trường hợp học sinh có nhu cầu tiếp tục sử dụng sách giáo khoa để ôn tập, kiểm tra lại hoặc hoàn thành chương trình học tập theo quy định.

b) Cơ sở giáo dục tổ chức kiểm tra, đánh giá tình trạng sách thu hồi; thực hiện phân loại sách đủ điều kiện tiếp tục sử dụng, sách cần bảo quản, sửa chữa và sách đề nghị thanh lý theo quy định về quản lý tài sản công.

6. Đối với cơ sở giáo dục tư thục

a) Quản lý, sử dụng sách giáo khoa được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đúng mục đích, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và phục vụ trực tiếp cho hoạt động dạy và học.

b) Khi không còn nhu cầu sử dụng sách giáo khoa, đơn vị phải tổng hợp và bàn giao lại sách giáo khoa cho cơ quan quản lý để đề xuất điều chuyển cho các cơ sở giáo dục khác sử dụng.

Điều 8. Hình thức thực hiện

1. Nhà nước đầu tư mua sắm sách giáo khoa trang bị cho thư viện các cơ sở giáo dục để tổ chức cho học sinh mượn và trả sách sử dụng trong năm học hoặc học kỳ theo quy định của cơ sở giáo dục.

2. Cơ sở giáo dục chịu trách nhiệm tổ chức cho học sinh mượn và trả sách giáo khoa có thời hạn; sau khi kết thúc thời gian sử dụng, sách giáo khoa được thu hồi, kiểm kê và bảo quản để tiếp tục sử dụng cho các năm học tiếp theo.

3. Việc quản lý sách giáo khoa được thực hiện thông qua hệ thống sổ đăng ký hoặc phần mềm quản lý thư viện; cơ sở giáo dục chịu trách nhiệm kiểm kê định kỳ hằng năm để xác định số lượng sách còn sử dụng được và nhu cầu bổ sung.

4. Nhà nước khuyến khích việc phát triển sách giáo khoa điện tử và các hình thức cung cấp tài liệu học tập số nhằm hỗ trợ người học tiếp cận tài liệu học tập thuận lợi, phù hợp với xu hướng chuyển đổi số trong giáo dục hiện nay.

Điều 9. Lộ trình thực hiện

Chính sách miễn phí sách giáo khoa cho học sinh theo lộ trình như sau:

1. Từ năm học 2029 - 2030: Miễn phí sách giáo khoa cho tất cả học sinh trên phạm vi toàn quốc.

2. Đối với các địa phương có khả năng cân đối ngân sách (hoặc xã hội hóa) được khuyến khích thực hiện chính sách miễn phí sách giáo khoa sớm hơn quy định tại khoản 1 Điều này; ưu tiên bố trí nguồn lực để triển khai trước đối với các địa bàn biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn và khả năng ngân sách của địa phương.

3. Thời điểm cung cấp miễn phí sách giáo khoa tiếng dân tộc thiểu số thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ về việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên.

Điều 10. Tổ chức mua sắm sách giáo khoa ban đầu

1. Giá sách giáo khoa làm căn cứ để mua sắm thực hiện theo quy định pháp luật về đấu thầu, không vượt quá giá bìa và mức giá tối đa do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại thời điểm lập kế hoạch mua sắm. Căn cứ số lượng học sinh và nhu cầu sử dụng sách giáo khoa, các địa phương có trách nhiệm xây dựng kế hoạch mua sắm ban đầu bảo đảm đủ sách giáo khoa phục vụ việc dạy và học trên địa bàn tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện mua sắm hoặc phân cấp cho một cơ quan chuyên môn theo quy định của pháp luật về đấu thầu và các quy định pháp luật khác có liên quan, bảo đảm công khai, minh bạch; mua sắm đúng bộ sách giáo khoa đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt và phù hợp với điều kiện triển khai của từng địa phương.

3. Đối với cơ sở giáo dục trực thuộc các bộ, cơ quan trung ương, viện nghiên cứu, đại học, trường đại học:

a) Đối với cơ sở giáo dục trực thuộc các bộ, cơ quan trung ương: Việc mua sắm sách giáo khoa do cơ sở giáo dục thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và các quy định pháp luật khác có liên quan.

b) Đối với cơ sở giáo dục trực thuộc viện nghiên cứu, trường đại học: Việc mua sắm sách giáo khoa do viện nghiên cứu, trường đại học thực hiện hoặc phân cấp cho các cơ sở giáo dục thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4. Việc cung cấp sách giáo khoa tiếng dân tộc thiểu số đến các cơ sở giáo dục thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ về việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên.

5. Đối với trường hợp thay đổi sách giáo khoa theo chương trình giáo dục phổ thông mới hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền làm phát sinh nhu cầu thay thế sách giáo khoa đang sử dụng trong thư viện, ngân sách nhà nước bảo đảm 100% kinh phí mua sắm sách giáo khoa để thay thế lần đầu theo

danh mục sách giáo khoa mới được phê duyệt. Các loại sách giáo khoa sau khi bị thay thế tiếp tục được bảo quản tại thư viện nhà trường để sử dụng như một loại tài liệu tham khảo.

Điều 11. Mua sắm bổ sung sách giáo khoa hằng năm

Căn cứ số lượng học sinh, tình trạng sử dụng sách giáo khoa và nhu cầu thực tế tại các cơ sở giáo dục, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện mua sắm hoặc phân cấp cho một cơ quan chuyên môn theo quy định của pháp luật về đấu thầu và các quy định pháp luật khác có liên quan, bảo đảm công khai, minh bạch. Ngân sách nhà nước cấp để mua sắm bổ sung hằng năm trong các trường hợp sau:

1. Thay thế số lượng sách bị hư hỏng do hao mòn tự nhiên trong quá trình sử dụng.
2. Mua sắm dự phòng đáp ứng sự gia tăng đột xuất về số lượng học sinh, tỷ lệ dự phòng không vượt quá 10% tổng số sách giáo khoa hiện có đang sử dụng được trong thư viện.
3. Mua sắm bổ sung sách giáo khoa trong trường hợp có sự điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung về nội dung chuyên môn, kỹ thuật.
4. Mua sắm bổ sung để thay thế toàn bộ số lượng sách giáo khoa bị hư hỏng trong các trường hợp thiên tai, hỏa hoạn và các trường hợp bất khả kháng khác theo quy định của pháp luật có liên quan.
5. Việc mua sắm bổ sung sách giáo khoa phải bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với nhu cầu thực tế; cần bảo quản, sử dụng lại sách giáo khoa còn khả năng khai thác nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 12. Lập dự toán kinh phí thực hiện

1. Việc lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách miễn phí sách giáo khoa được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.
2. Đối với cơ sở giáo dục công lập trực thuộc tỉnh, thành phố
 - a) Hằng năm, vào thời điểm lập dự toán ngân sách nhà nước, căn cứ hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước, cơ sở giáo dục căn cứ số lượng học sinh thực tế, nhu cầu sử dụng và mức giá sách giáo khoa tại thời điểm lập dự toán để xây dựng dự toán kinh phí gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) theo phân cấp quản lý nhà nước về giáo dục tại địa phương.
 - b) Sở Giáo dục và Đào tạo hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm rà soát, tổng hợp chung vào dự toán của đơn vị dự toán cấp I gửi cơ quan tài chính cùng cấp trình cấp có thẩm quyền.

c) Hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng dự toán nhu cầu kinh phí thực hiện đề tổng hợp chung trong dự toán chi ngân sách nhà nước của địa phương gửi Bộ Tài chính cùng thời gian báo cáo dự toán ngân sách nhà nước năm kế hoạch.

3. Đối với cơ sở giáo dục tư thục

a) Cơ sở giáo dục căn cứ số lượng học sinh thực tế, nhu cầu sử dụng và mức giá sách giáo khoa tại thời điểm lập kế hoạch dự toán ngân sách để đề xuất nhu cầu kinh phí mua sắm sách giáo khoa gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã theo phân cấp quản lý nhà nước về giáo dục tại địa phương.

b) Sở Giáo dục và Đào tạo hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm rà soát, tổng hợp chung vào dự toán của đơn vị dự toán cấp I gửi cơ quan tài chính cùng cấp trình cấp có thẩm quyền.

c) Hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng nhu cầu kinh phí thực hiện đề tổng hợp chung trong dự toán chi ngân sách nhà nước của địa phương gửi Bộ Tài chính cùng thời gian báo cáo dự toán ngân sách nhà nước năm kế hoạch.

4. Đối với cơ sở giáo dục công lập trực thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ, viện nghiên cứu, đại học, trường đại học

a) Cơ sở giáo dục căn cứ số lượng học sinh và mức giá sách giáo khoa tại thời điểm lập dự toán để xây dựng dự toán kinh phí báo cáo cơ quan dự toán cấp trên.

b) Các bộ, cơ quan trung ương, viện nghiên cứu, đại học, trường đại học thẩm định, trình cấp có thẩm quyền bố trí dự toán kinh phí thực hiện theo quy định.

Điều 13. Phân bổ dự toán kinh phí

1. Việc phân bổ dự toán kinh phí thực hiện chính sách miễn phí sách giáo khoa bảo đảm đúng mục tiêu, đối tượng, chế độ, tiêu chuẩn, định mức và thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Căn cứ quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trình Hội đồng nhân dân quyết định phân bổ kinh phí thực hiện mua sắm sách giáo khoa trong dự toán chi sự nghiệp giáo dục đào tạo của địa phương theo chế độ quy định.

3. Các bộ, cơ quan trung ương quyết định phân bổ kinh phí mua sắm sách giáo khoa cho cơ sở giáo dục công lập trực thuộc theo quy định.

Điều 14. Quản lý và quyết toán kinh phí

1. Các cơ quan, đơn vị được giao kinh phí mua sắm sách giáo khoa có trách nhiệm quản lý và sử dụng, quyết toán kinh phí đúng mục đích, đối tượng theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm quyết toán kinh phí thực hiện mua sắm sách giáo khoa và tổng hợp trong báo cáo quyết toán ngân sách hằng năm của cơ quan, đơn vị theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, pháp luật về kế toán, các văn bản hướng dẫn và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Chương III

MIỄN PHÍ GIÁO TRÌNH MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

Điều 15. Nguyên tắc thực hiện

1. Giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh (sau đây gọi chung là giáo trình) được sử dụng thống nhất trong phạm vi cả nước.

2. Nhà nước thực hiện cung cấp giáo trình miễn phí cho sinh viên nhằm bảo đảm nguồn tài liệu chuẩn hóa, phục vụ kịp thời và đầy đủ cho công tác giảng dạy, học tập theo chương trình đào tạo đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành.

3. Việc cung cấp giáo trình phải bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với điều kiện tổ chức giảng dạy của các cơ sở đào tạo và các trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh.

4. Giáo trình được mua sắm bằng ngân sách nhà nước tại cơ sở đào tạo công lập là tài sản công và được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Đối với cơ sở đào tạo tư thục, giáo trình được ngân sách nhà nước hỗ trợ mua sắm không hạch toán vào tài sản của cơ sở đào tạo; cơ sở đào tạo có trách nhiệm quản lý, sử dụng, bảo quản đúng mục đích, hiệu quả và thực hiện xử lý theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền khi không còn nhu cầu sử dụng.

5. Nhà nước khuyến khích các cơ sở đào tạo và các trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh ưu tiên sử dụng giáo trình điện tử dùng chung. Việc quản lý, vận hành và triển khai giáo trình điện tử phải tuân thủ các quy định của pháp luật về an ninh mạng, bảo đảm an toàn thông tin mạng, đồng thời bảo đảm quyền tiếp cận tài liệu học tập mọi lúc, mọi nơi của người học.

6. Trường hợp người học thuộc đối tượng được hưởng nhiều chính sách hỗ trợ của Nhà nước có nội dung trùng lặp thì chỉ được hưởng một chính sách có mức hỗ trợ cao nhất hoặc có thời gian hỗ trợ dài nhất.

Điều 16. Hình thức cung cấp giáo trình

1. Nhà nước bảo đảm ngân sách mua sắm giáo trình để trang bị đồng bộ cho thư viện của các cơ sở đào tạo.

2. Cơ sở đào tạo cho sinh viên mượn và trả giáo trình có thời hạn. Ngay sau khi kết thúc môn học hoặc đợt học tập tập trung, sinh viên có trách nhiệm hoàn trả giáo trình để nhà trường kiểm kê, bảo quản và tái sử dụng cho các khóa học kế tiếp.

3. Việc quản lý giáo trình được thực hiện thông qua hệ thống sổ đăng ký hoặc phần mềm quản lý thư viện; cơ sở đào tạo có trách nhiệm kiểm kê định kỳ hằng năm để xác định số lượng giáo trình còn sử dụng được và nhu cầu bổ sung.

Điều 17. Lộ trình thực hiện

Từ năm học 2027 - 2028, thống nhất thực hiện miễn phí giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trên toàn quốc cho tất cả các đối tượng.

Điều 18. Tổ chức mua sắm giáo trình ban đầu

1. Việc lập dự toán và mua sắm giáo trình được thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, pháp luật về đấu thầu và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Cơ sở đào tạo có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và tổ chức mua sắm giáo trình ban đầu để phục vụ nhu cầu học tập của người học theo quy mô đào tạo hằng năm của đơn vị.

3. Hình thức và nguyên tắc thực hiện

a) Việc mua sắm giáo trình tại các đơn vị quy định tại khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật về giá và các quy định pháp luật có liên quan bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm và hiệu quả.

b) Chỉ mua sắm các giáo trình đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt sử dụng thống nhất trong phạm vi cả nước.

c) Giáo trình sau khi mua sắm phải được quản lý theo chế độ tài sản công; thực hiện việc dán nhãn, mã hóa và cập nhật vào phần mềm quản lý thư viện hoặc sổ theo dõi tài sản của đơn vị.

Điều 19. Mua sắm bổ sung giáo trình hằng năm

1. Căn cứ số lượng người học, quy mô đào tạo và tình trạng sử dụng giáo trình, các cơ sở đào tạo tổ chức rà soát và xác định nhu cầu mua sắm bổ sung giáo trình để bảo đảm phục vụ hoạt động giảng dạy và học tập.

2. Việc mua sắm bổ sung hằng năm được thực hiện trong các trường hợp được quy định tại Điều 11 của Nghị định này và áp dụng đối với giáo trình.

3. Việc mua sắm bổ sung giáo trình phải bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với nhu cầu thực tế của từng đơn vị; đồng thời tăng cường công tác quản lý, bảo quản và tái sử dụng giáo trình nhằm hạn chế thất thoát, lãng phí.

Điều 20. Lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí

1. Lập dự toán kinh phí

Hàng năm, theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan, căn cứ vào kế hoạch đào tạo, chỉ tiêu tuyển sinh và mức giá giáo trình tại thời điểm lập dự toán, các cơ sở đào tạo (bao gồm cả công lập và tư thực) xác định nhu cầu kinh phí mua sắm giáo trình theo quy định tại Điều 18 Nghị định này gửi cơ quan quản lý để tổng hợp, giao kinh phí.

2. Phương thức hỗ trợ và giao dự toán

a) Đối với cơ sở đào tạo công lập: Kinh phí được giao trong dự toán ngân sách hằng năm của đơn vị theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

b) Đối với cơ sở đào tạo tư thực: Việc hỗ trợ kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và thông qua hình thức cấp phát hoặc đặt hàng dựa trên số lượng đối tượng thụ hưởng thực tế.

3. Thanh toán và quyết toán

a) Kinh phí được thanh toán căn cứ vào số lượng người học thực tế, hợp đồng cung ứng và các hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.

b) Việc quyết toán kinh phí mua sắm giáo trình thực hiện cùng với báo cáo quyết toán ngân sách hằng năm của đơn vị theo quy định hiện hành.

c) Các cơ sở đào tạo tư thực có trách nhiệm báo cáo quyết toán phần kinh phí được ngân sách nhà nước hỗ trợ với cơ quan quản lý giáo dục trực tiếp theo quy định hiện hành.

4. Quản lý kinh phí dư thừa và bổ sung

a) Trường hợp kinh phí được giao lớn hơn nhu cầu thực tế (do số lượng người học biến động giảm), đơn vị có trách nhiệm hoàn trả ngân sách nhà nước hoặc điều chuyển theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

b) Trường hợp phát sinh nhu cầu cấp thiết do tăng quy mô đào tạo đột xuất hoặc nhu cầu sử dụng giáo trình, đơn vị lập dự toán bổ sung trình cơ quan quản lý xem xét, quyết định.

c) Các cơ sở đào tạo tư thực phải mở sổ sách theo dõi riêng phần tài sản là giáo trình được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước và chịu sự thanh tra, kiểm tra về việc sử dụng nguồn kinh phí này.

Chương IV

MIỄN HỌC PHÍ MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

Điều 21. Đối tượng và chính sách miễn học phí

1. Sinh viên học tại các cơ sở đào tạo được miễn học phí đối với lần học thứ nhất môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh theo chương trình đào tạo bắt buộc do cơ quan có thẩm quyền quy định.

2. Trường hợp học lại

a) Không áp dụng chính sách miễn học phí đối với sinh viên học lại môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh do thi không đạt, nghỉ học quá thời gian quy định hoặc các lý do chủ quan khác theo quy chế đào tạo.

b) Trường hợp sinh viên phải dừng học, học lại môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh do ốm đau, tai nạn hoặc lý do bất khả kháng không do bị kỷ luật hoặc tự ý thôi học và được cơ sở đào tạo xác nhận thì được xem xét tiếp tục hưởng chính sách miễn học phí cho lần học tiếp theo theo quy định của cơ sở đào tạo.

3. Nhà nước bảo đảm kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện chính sách miễn học phí môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh cho các cơ sở đào tạo theo quy định của Nghị định này.

Điều 22. Lộ trình thực hiện

1. Năm học 2026 - 2027: Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật đào tạo môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh làm căn cứ xác định mức ngân sách nhà nước thực hiện chính sách miễn học phí môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh theo quy định tại Nghị định này.

2. Từ năm học 2027 - 2028: Thực hiện cấp kinh phí để cơ sở đào tạo miễn học phí cho tất cả các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định này.

Điều 23. Lập dự toán và cấp phát kinh phí

1. Lập dự toán

a) Hằng năm, theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan, căn cứ số lượng sinh viên thực tế tham gia học môn Giáo dục quốc phòng và an ninh, định mức kinh tế - kỹ thuật và lộ trình miễn học phí quy định tại Nghị định này, cơ sở đào tạo lập dự toán kinh phí miễn học phí.

b) Đối với cơ sở đào tạo thuộc địa phương: Cơ sở đào tạo lập dự toán kinh phí miễn học phí gửi Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp; Sở Giáo dục và Đào tạo gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

c) Đối với cơ sở đào tạo thuộc bộ, ngành: Cơ sở đào tạo lập dự toán gửi cơ quan quản lý trực tiếp để tổng hợp, gửi Bộ Tài chính thẩm định và bố trí theo quy định.

2. Cấp phát kinh phí

a) Đối với cơ sở đào tạo thuộc địa phương: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao dự toán kinh phí cho Sở Giáo dục và Đào tạo để phân bổ cho các cơ sở đào tạo theo quy định.

b) Đối với cơ sở đào tạo thuộc bộ, ngành: Cơ quan quản lý trực tiếp giao dự toán kinh phí cho các cơ sở đào tạo trực thuộc theo quy định.

3. Đối với cơ sở đào tạo tư thực: Việc hỗ trợ kinh phí miễn học phí được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và cơ chế hỗ trợ cho cơ sở đào tạo tư thực theo quy định, bố trí thông qua Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với địa phương), hoặc cơ quan quản lý trực tiếp (đối với đơn vị thuộc bộ, ngành) để thực hiện.

Điều 24. Quản lý và sử dụng kinh phí tại cơ sở đào tạo

1. Cơ sở đào tạo có trách nhiệm quản lý, sử dụng nguồn kinh phí được cấp để tổ chức giảng dạy môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh theo các hình thức:

a) Tự tổ chức giảng dạy tại đơn vị theo quy định.

b) Thanh toán phí đào tạo cho các trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh hoặc cơ sở đào tạo khác trong trường hợp liên kết, chuyên sinh viên đi học tập trung theo quy định của pháp luật.

c) Đối với sinh viên học lại môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh không thuộc trường hợp được tiếp tục hưởng chính sách miễn học phí theo khoản 2 Điều 21 Nghị định này, cơ sở đào tạo thực hiện thu học phí theo quy định để chi trả cho đơn vị trực tiếp tổ chức giảng dạy.

2. Việc thanh toán giữa cơ sở đào tạo và đơn vị nhận đào tạo liên kết thực hiện trên cơ sở hợp đồng đào tạo, danh sách sinh viên thực tế và các quy định về giá dịch vụ giáo dục quốc phòng và an ninh.

Điều 25. Quyết toán kinh phí

1. Kết thúc năm học, cơ sở đào tạo thực hiện quyết toán kinh phí miễn học phí dựa trên số lượng sinh viên thực tế đã hoàn thành môn học và được cấp chứng chỉ hoặc xác nhận kết quả học tập.

2. Phần kinh phí dư thừa do sinh viên thôi học, bị đình chỉ học tập hoặc các lý do khác phải được hoàn trả ngân sách nhà nước hoặc khấu trừ vào dự toán năm tiếp theo theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 26. Trách nhiệm của cơ sở đào tạo

1. Thực hiện miễn học phí cho sinh viên ngay tại thời điểm được quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định này; không được thu thêm bất kỳ khoản phí nào liên quan đến học phí môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh.

2. Hạch toán, quản lý nguồn kinh phí miễn học phí môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh riêng biệt để phục vụ công tác thanh tra, quyết toán.

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của số lượng sinh viên và tính hợp pháp của các hồ sơ quyết toán kinh phí và việc sử dụng kinh phí đúng mục đích.

Chương V

QUẢN LÝ TÀI SẢN VÀ CÁC HÀNH VI NGHIÊM CẤM

Điều 27. Quản lý, sử dụng và xử lý tài sản hư hỏng, mất mát

1. Cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo có trách nhiệm ban hành nội quy mượn, trả; chủ trì, phối hợp với gia đình, người giám hộ học sinh và học sinh trong việc bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa.

2. Trường hợp học sinh, sinh viên làm mất hoặc hư hỏng sách giáo khoa, giáo trình do nguyên nhân chủ quan, việc bồi hoàn được thực hiện theo một trong các hình thức sau:

a) Trường hợp học sinh, sinh viên làm mất hoặc hư hỏng sách giáo khoa, giáo trình do nguyên nhân chủ quan thì học sinh, sinh viên hoặc cha mẹ, người giám hộ của học sinh có trách nhiệm bồi hoàn cho cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo. Hình thức bồi hoàn ưu tiên bằng hiện vật là sách giáo khoa, giáo trình cùng loại, đúng danh mục và quy chuẩn kỹ thuật.

b) Trường hợp bồi hoàn bằng tiền mặt, mức bồi hoàn được xác định dựa trên giá thực tế mua sắm tại thời điểm gần nhất và giá trị sử dụng còn lại của tài liệu, cụ thể như sau:

Thu 80% giá trị thực tế mua sắm đối với sách giáo khoa, giáo trình có thời gian sử dụng dưới 01 năm hoặc mới đưa vào sử dụng lần đầu;

Thu 50% giá trị thực tế mua sắm đối với sách giáo khoa, giáo trình có thời gian sử dụng từ 01 năm đến dưới 03 năm;

Thu 20% giá trị thực tế mua sắm đối với sách giáo khoa, giáo trình có thời gian sử dụng từ 03 năm đến 05 năm;

Không thu bồi hoàn đối với sách giáo khoa, giáo trình có thời gian sử dụng trên 05 năm.

c) Cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo có trách nhiệm theo dõi, lập biên bản xác định tình trạng tài sản và niêm yết công khai mức bồi hoàn tại đơn vị. Nguồn thu từ bồi hoàn được quản lý và sử dụng đúng mục đích để mua sắm bổ sung, sửa chữa sách giáo khoa, giáo trình theo quy định tại Nghị định này.

3. Trường hợp học sinh, sinh viên làm mất hoặc hư hỏng sách giáo khoa, giáo trình do nguyên nhân khách quan (như thiên tai, hỏa hoạn và các trường hợp bất khả kháng khác) không phải bồi hoàn chi phí.

Điều 28. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Thu các khoản phí trái quy định liên quan đến việc sử dụng sách giáo khoa, giáo trình (bao gồm phí đặt cọc, phí bảo quản hoặc các khoản phí dịch vụ thư viện khác trái quy định).

2. Cung ứng sách giáo khoa, giáo trình không đúng danh mục được phê duyệt; không bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật hoặc cung ứng sách in lậu, sách giả.

3. Lập hồ sơ không về số lượng học sinh, sinh viên, danh mục sách hư hỏng, mất mát nhằm trục lợi ngân sách nhà nước hoặc thanh lý tài sản công trái quy định.

4. Thiếu trách nhiệm trong công tác quản lý, lưu trữ, sử dụng dẫn đến thất thoát, lãng phí hoặc hư hỏng tài sản được giao.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 29. Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Chủ trì, tổ chức triển khai và hướng dẫn thực hiện Nghị định này trên phạm vi toàn quốc.

2. Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành quy định về việc sử dụng, lựa chọn giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong hệ thống giáo dục quốc dân.

3. Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật đào tạo môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh làm căn cứ xác định mức ngân sách nhà nước thực hiện chính sách miễn học phí theo quy định tại Nghị định này. Định mức kinh tế - kỹ thuật do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành được áp dụng thống nhất trong phạm vi cả nước; các cơ sở đào tạo không xây dựng, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật riêng đối với môn học này.

4. Tổng hợp dự toán kinh phí hằng năm để thực hiện chính sách miễn học phí và miễn phí giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh đối với các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm cơ sở giáo dục công lập và tư thục; phối hợp với các cơ quan liên quan trình cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

5. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan tổ chức kiểm tra, định kỳ, đột xuất việc thực hiện chính sách quy định tại Nghị định này.

Điều 30. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện các chính sách quy định tại Nghị định theo quy định của pháp luật về phân cấp ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và pháp luật liên quan.

2. Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, ngành có liên quan tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Nghị định này.

Điều 31. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an

1. Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc rà soát, hướng dẫn yêu cầu đối với giáo trình điện tử môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trước khi đưa vào sử dụng phù hợp với quy định của pháp luật về an ninh mạng.

2. Tổng hợp dự toán kinh phí mua sắm sách giáo khoa, giáo trình và kinh phí miễn học phí của các đơn vị trực thuộc để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt ngân sách thực hiện các chính sách quy định tại Nghị định này.

3. Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, ngành có liên quan tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất việc thực hiện chính sách quy định tại Nghị định này.

Điều 32. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

1. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý thực hiện nghiêm túc quy trình cung cấp, quản lý, thu hồi và luân chuyển tài sản theo quy định tại Nghị định này.
2. Tổng hợp dự toán kinh phí mua sắm sách giáo khoa, giáo trình và kinh phí miễn học phí của các đơn vị trực thuộc để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt ngân sách thực hiện các chính sách quy định tại Nghị định này.
3. Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, ngành có liên quan tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất việc thực hiện chính sách quy định tại Nghị định này.

Điều 33. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố

1. Chịu trách nhiệm toàn diện về việc tổ chức thực hiện chính sách tại địa phương; bảo đảm ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và lồng ghép các nguồn lực hợp pháp khác để triển khai.
2. Quyết định và chỉ đạo cơ quan chuyên môn tổ chức điều chuyển sách giáo khoa giữa các cơ sở giáo dục cùng cấp trên địa bàn theo cơ chế liên thông thư viện nhằm tối ưu hóa hiệu quả sử dụng tài sản công.
3. Phê duyệt kế hoạch dự báo nhu cầu sách giáo khoa hằng năm trước ngày 30 tháng 10 để làm căn cứ lập dự toán; bảo đảm sách giáo khoa được nhập kho thư viện các cơ sở giáo dục chậm nhất vào ngày 15 tháng 6 hằng năm.
4. Chỉ đạo tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các hành vi thu phí trái quy định hoặc làm thất thoát sách giáo khoa, giáo trình trên địa bàn quản lý.
5. Quyết định hình thức mua sắm và phân cấp thẩm quyền mua sắm sách giáo khoa, giáo trình trên địa bàn. Căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc tổ chức mua sắm tập trung hoặc phân cấp cho sở giáo dục và đào tạo, Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, cơ sở giáo dục thực hiện mua sắm sách giáo khoa bảo đảm tính công khai, minh bạch và tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu.

Điều 34. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tổ chức triển khai thực hiện chính sách miễn phí sách giáo khoa tại các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Nghị định này; phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc rà soát nhu cầu, quản lý, sử dụng và thực hiện điều chuyển sách giáo khoa trên địa bàn theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý thực hiện việc thống kê số lượng học sinh, nhu cầu sử dụng sách giáo khoa; lập dự toán kinh phí; quản lý, cho mượn, thu hồi, bảo quản và thực hiện điều chuyển sách giáo khoa đúng quy định theo cơ chế liên thông thư viện nhằm tối ưu hóa hiệu quả sử dụng tài sản công.

3. Tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện chính sách đối với các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý, gửi cơ quan tài chính và cơ quan quản lý giáo dục cấp trên theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

4. Phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách miễn phí sách giáo khoa tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình triển khai chính sách trên địa bàn theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 35. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với người học thuộc đối tượng ưu tiên đang được hưởng chính sách hỗ trợ, cấp hoặc miễn phí sách giáo khoa theo quy định của pháp luật hiện hành trước thời điểm chính sách miễn phí sách giáo khoa quy định tại Nghị định này được triển khai thì tiếp tục được hưởng chính sách đó đến thời điểm chính sách miễn phí sách giáo khoa theo quy định tại Điều 9 Nghị định này có hiệu lực thi hành.

2. Các địa phương đang thực hiện chính sách hỗ trợ sách giáo khoa, giáo trình hoặc miễn học phí môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh bằng nguồn ngân sách địa phương được tiếp tục thực hiện nhưng không được thấp hơn mức hỗ trợ quy định tại Nghị định này.

3. Đối với sách giáo khoa, giáo trình đã được mua sắm trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được quản lý, sử dụng, thu hồi, luân chuyển và thanh lý theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

4. Các cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo, trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh đã thu học phí môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh hoặc các khoản phí liên quan đến việc mượn sách giáo khoa, giáo trình thuộc diện được miễn kể từ thời điểm chính sách miễn học phí và miễn phí giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh được thực hiện từ năm học 2027 - 2028 và chính sách miễn phí sách giáo khoa được thực hiện từ năm học 2029 - 2030 thì có trách nhiệm hoàn trả cho người học trong kỳ học tiếp theo theo quy định.

Điều 36. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 37. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo, trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2b). **14**

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Lê Tiến Châu